TRƯỜNG CNTT&TT
KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 52 – Chất lượng cao

Ngành: **Kỹ thuật Phần mềm – Chương trình chất lượng cao**
(Software Engineering – High Quality Program) Mã ngành: 7480103C

Số lượng tín chỉ: 168 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư

Hình thức: đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp, từ xa, kết hợp giữa trực tiếp và từ xa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số TC Bắt Buộc	Số TC Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ I - Năm thứ 1										
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60				
2	FL011H	Đọc hiểu (*)	3	3		45				
3	FL012H	Viết (*)	3	3		45				
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30				
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45				
Cộng: 15 TC (15 BB + 0 TC)			**15**	**15**	**0**					
Học kỳ II – Năm thứ 1										
1	CT100H	Kỹ năng học đại học	2	2		30				
2	CT052H	Đại số tuyến tính và hình học	3	3		45				
3	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	3		45				
4	CT054H	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
5	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30	60			
Cộng: 14TC (14 BB + 0 TC)			**14**	**14**	**0**					
Học kỳ III - Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*Bố trí theo ngành*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	2	2		24	21			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	CT005H	Nền tảng Công nghệ số	4	4		30	60			
6	CT051H	Vi - Tích phân	4	4		60				
Cộng: 16 TC (16 BB + 0 TC)			**16**	**16**	**0**					
Học kỳ I - Năm thứ 2										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30		ML014		
2	CT055HE	Kỹ năng giao tiếp	1		2	10	10			*SV tự chọn*
	CT056HE	Kỹ năng thuyết trình	1			10	10			
	CT509HE	Kỹ năng tư duy phản biện	1			10	10			
	CT191	Luật công nghệ thông tin và đạo đức nghề nghiệp	1			15				
3	CT053H	Xác suất thống kê	3	3		45				
4	CT173H	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
5	CT177H	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT054H		
Cộng: 13 TC (11 BB + 2 TC)			**13**	**11**	**2**					

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số TC Bắt Buộc	Số TC Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ II - Năm thứ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1	10	10			*SV tự chọn*
2	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
3	CT101H	Toán cho khoa học máy tính	4	4		60				
4	CT104H	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30			
5	CT108H	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT054H		
Cộng: 13 TC (12 BB + 1 TC)			**13**	**12**	**1**					
Học kỳ III - Năm thứ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1	10	10			*SV tự chọn*
2	CT114H	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	2		20	20			
3	CT109H	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177H		
4	CT110H	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177H		
5	CT175H	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177H		
Cộng: 12 TC (11 BB + 1 TC)			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ I - Năm thứ 3										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1	10	10			*SV tự chọn*
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
3	CT106H	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT104H		
4	CT112H	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT110H		
5	CT113H	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	3		30	30	CT110H		
Cộng: 12 TC (11 BB + 1 TC)			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ II - Năm thứ 3										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				*SV tự chọn*
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
3	CT582H	Phân tích và Thiết kế phần mềm	3	3		30	30	CT114H		
4	CT218H	Lập trình ứng dụng với Java	3	3		30	30			
5	CT219H	Lập trình ứng dụng với .NET	3	3		30	30			
Cộng: 13 TC (11 BB + 2 TC)			**13**	**11**	**2**					
Học kỳ III- Năm thứ 3										
1	CT239HE	Niên luận cơ sở ngành	3	3			90	CT109H, CT175H, CT110H		
2	CT203H	Quản lý dự án phần mềm	3	3		30	30			
3	CT214H	Lập trình Web	3		3	30	30	CT108H, CT110H		*SV tự chọn*
	CT220HE	Lập trình di động đa nền tảng	3			30	30			
4	CT583H	Đảm bảo chất lượng và Kiểm thử phần mềm	3	3		30	30	CT114H		
Cộng: 12 TC (9 BB + 3 TC)			**12**	**9**	**3**					
Học kỳ I – Năm thứ 4										
1	KL010E	Pháp luật đại cương và quyền con người	2	2		30				
2	CT222HE	Nền tảng phát triển ứng dụng	3	3		30	30	CT582H	CT250HE	
3	CT244H	Bảo trì phần mềm	2	2		20	20	CT582H		
4	CT287H	Kiểm chứng mô hình	3		3	30	30	CT582H		*SV tự chọn*
	CT221H	Nguyên lý hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT110H		
5	CT250HE	Niên luận chuyên ngành	3	3			90	CT582H	CT583H	
Cộng: 13 TC (10 BB+3 TC)			**13**	**10**	**3**					

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số TC Bắt Buộc	Số TC Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ II - Năm thứ 4										
1	CT223H	Nền tảng Trí tuệ nhân tạo	3			30	30			
2	CT295H	Nền tảng phần mềm nhúng và IoT	3			30	30	CT108H		
3	CT224H	Phân tích dữ liệu lớn	3			30	30			
4	CT305H	Lập trình mạng	3			30	30	CT106H		
5	CT228H	Nền tảng An ninh mạng	3		15	30	30	CT106H		*SV tự chọn*
6	CT226H	Lập trình trí tuệ nhân tạo với Python	3			30	30		CT223H	
7	CT227H	Máy học và ứng dụng	3			30	30		CT223H	
8	CT255H	Nghiệp vụ thông minh	3			30	30	CT112H		
9	CT225H	Lập trình song song với CUDA	3			30	30	CT109H		
Cộng: 15 TC (0 BB + 15 TC)			**15**	**0**	**15**					
Học kỳ III - Năm thứ 4										
1	CT594HE	Luận văn tốt nghiệp	15	15			450	≥120TC		
Cộng: 15 TC (15 BB + 0 TC)			**15**	**15**	**0**					
Học kỳ I - Năm thứ 5										
1	CT548HE	Thực tập doanh nghiệp - KTPM	5	5			150	≥120TC		
Cộng: 5 TC (5 BB + 0 TC)			**5**	**5**	**0**					
TỔNG CỘNG: 168 TC (140 BB + 28 TC)			**168**	**140**	**28**					

Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ phần mềm, Trường CNTT-TT.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA CNPM

Trương Minh Thái